

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2022
V/v yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Thủy;
2. Ông Y Nốt BKrông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị Hoàng Thị H chung sống với anh Lê Thanh B từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, anh B hay đánh đập, chửi bới chị, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lắc giải quyết cho ly hôn với anh B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh B có 02 con chung là Lê Thanh H, sinh năm 1997 và Lê Thị Hà G, sinh năm 2001.

Hiện nay các con đều đã thành niên, phát triển B thường và có khả năng lao động để tự nuôi mình, nên vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh B tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H xác định hiện nay chị và anh B không nợ ai khoản nợ nào.

Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Thanh B trình bày:

Anh Lê Thanh B chung sống với chị Hoàng Thị H từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh B và chị H có 02 con chung là Lê Thanh H, sinh năm 1997 và Lê Thị Hà G, sinh năm 2001.

Hiện nay các con đều đã thành niên, phát triển B thường và có khả năng lao động để tự nuôi mình, nên vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh B và chị H tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh B xác định hiện nay anh và chị H không nợ ai khoản nợ nào.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về việc giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị H và anh Lê Thanh B chung sống với nhau từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn, nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H.

Về con chung: Các con chung của chị H và anh B đều đã thành niên, phát triển B thường và có khả năng lao động để tự nuôi mình nên vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh B tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Chị H và anh B đều xác định anh, chị không nợ ai khoản nợ nào. Nên về tài sản và nợ chung không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lê Thanh B. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại tổ dân phố 1, thị trấn S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Chị Hoàng Thị H và anh Lê Thanh B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống giữa chị H và anh B phát sinh mâu thuẫn, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B. Qua xác minh tại tổ dân phố 1, thị trấn S, huyện L, nơi chị H và anh B cư trú, thể hiện vợ chồng chị H, anh B đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, anh B đánh đập chị H nhiều lần, nên giữa vợ chồng anh B, chị H luôn căng thẳng.

Do chị H và anh B không đăng ký kết hôn, nên căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh B.

Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung là Lê Thanh H, sinh năm 1997 và Lê Thị Hà G, sinh năm 2001. Các con chung của chị H và anh B đều đã thành niên, phát triển B thường và có khả năng lao động để tự nuôi mình, nên vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh B tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Chị H và anh B xác định anh chị không nợ ai khoản nợ nào, nên về tài sản và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Lê Thanh B.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 60AA/2021/0001676 ngày 19/5/2022.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắc;
- CCTHADS huyện Lắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Ngọc